**TEST VẾT THƯƠNG KHỚP**

1. Vết thương khớp
   1. Vết thương thấu vào ổ khớp, có thể rách hoặc không rách bao hoạt dịch
   2. Đa số nguyên nhân là do cơ chế gãy xương, đầu nhọn xương chọc vào ổ khớp.
   3. Vết thương khớp chiếm 8-10% vết thương nói chung.
   4. B,C đúng
2. Nguyên nhân vết thương khớp:
   1. Vết thương hỏa khí tổn thương nặng, phổi hợp các tổn thương khác.
   2. Các vết thương bằng vật nhọn chọc vào vùng khớp rất dễ bỏ sót
   3. Vết thương xương khớp là loại hay gặp nhất, đứng đầu nguyên nhân là do TNGT.
   4. Tất cả ý trên.
3. Phân loại VếT THƯƠNG KHớP: có tổn thương xương kèm theo, quan hệ mặt khớp không còn, mất vững:
   1. VT xương khớp nhẹ
   2. VT xương khớp nặng
   3. VT xương khớp rất nặng
   4. VT khớp đơn thuần
4. GPB vết thương khớp:
   1. Tổn thương dây chằng gây lỏng lẻo khớp
   2. Mặt khớp: sụn khớp bong gây cứng khớp
   3. Đầu xương là xương dẹt, khó hồi phục cơ năng.
   4. A-B đúng
   5. ABC đúng
5. Sinh lí bệnh vét thương khớp:
   1. Bao hoạt dịch là 2 lớp thanh mạc không tiết dịch, hạn chế được nhiễm khuẩn.
   2. Vết thương khớp trong 24h coi như vết thương khớp chưa nhiễm khuẩn.
   3. Lớp nội mạc bao hoạt dịch nhiều mạch máu, giúp hấp thu tốt dịch khớp.
   4. Tất cả mọi trường hợp cũng không được dẫn lưu trong bao hoạt dịch.
6. Chẩn đoán lâm sàng vết thương khớp: chọn sai
   1. Vết thương khớp vùng khớp lộ mặt khớp
   2. Vết thương vùng khớp chảy dịch.
   3. Vết thương vùng khớp, sau cắt lọc thấy thông với bao hoạt dịch
   4. Vết thương khớp đến muộn, chảy mủ.
7. Các hình ảnh X-quang vết thương khớp:
   1. Có dị vật trong khớp
   2. Có hơi
   3. Tổn thương xương kèm theo
   4. AC đúng
   5. ABC đúng
8. Biến chứng vết thương khớp:
   1. Vết thương khớp cấp, vết thương khớp mạn
   2. Vết thương khớp cấp, vết thương khớp bán cấp, vết thương khớp mạn
   3. Vết thương khớp cấp , tối cấp,vết thương khớp tiềm ẩn, teo cơ cứng khớp.
   4. Vết thương khớp cấp, tối cấp, đến muộn
9. Biến chứng vết thương khớp cấp:
   1. Vết thương khớp đến sớm đã được xử lý
   2. Đau dữ dội, mất cơ năng khớp.
   3. Dấu hiệu nhiễm trùng không điển hình
   4. Dịch khớp vẫn còn trong
   5. BCD đúng
10. Biễn chứng VếT THƯƠNG KHớP :
    1. Thể tối cấp diễn biến nhanh, nhiễm trùng, nhiễm độc nặng, dễ cắt cụt chi
    2. Thể tiềm ẩn thường do bỏ sót tổn thương, gây dính khớp
    3. Thể teo cơ cứng khớp thường do vết thương xương khớp.
    4. ABC đúng
    5. AB đúng
11. Cấp cứu ban đầu: chọn sai:
    1. Băng vô khuẩn
    2. Bất động khớp
    3. Tiêm uốn ván KS, giảm đau
    4. Sát khuẩn vết thương bằng Oxy già
12. **Điều trị vết thương khớp đến sớm**
    1. Dẫn lứu ngoài khớp
    2. Rửa bao khớp bằng betadine
    3. Cắt lọc rộng rãi bao khớp hạn chế nhiễm khuẩn
    4. Tất cả đều đúng
    5. A-B đúng
13. Điều trị vết thương khớp đến sớm có gãy xương kèm theo
    1. Trường hợp nặng, mặt khớp hủy nhiều, cắt bỏ mặt khớp là phương pháp điều trị phổ biến
    2. Kết hợp xương ngay thì đầu, nếu tồn thương xương nhẹ.
    3. Dạp nát nặng nguy hiểm phải cắt cụt chi.
    4. B-C đúng.
14. Điều trị vết thương khớp đến muộn > 24h
    1. Xử lý như vết thương khớp đến sớm nhưng để hở da, không bột
    2. Viêm mủ khớp cấp đóng kín bao hoạt dịch có thể dẫn lưu trong khớp 24h
    3. Viêm khớp mạn phải cắt cụt chi
    4. ABC đúng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **C** | 1. **D** | 1. **B** | 1. **D** | 1. **B** |
| 1. **B** | 1. **D** | 1. **C** | 1. **B** | 1. **D** |
| 1. **D** | 1. **E** | 1. **D** | 1. **B** |  |